

TADT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 606/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung đô thị Quảng Ninh
đến năm 2050, tầm nhìn đến năm 2075**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

*Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26 tháng 11 năm 2024;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn
ngày 11 tháng 12 năm 2025;*

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 10 tháng 12 năm 2025;

*Căn cứ Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Bộ
Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt
Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kết luận số 224-KL/TW ngày 08
tháng 12 năm 2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số
06-NQ/TW, ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây
 dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn
đến năm 2045;*

*Căn cứ Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của
Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày
09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ
2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông
thôn; Nghị định số 34/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ
sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng
7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch
đô thị và nông thôn;*

Căn cứ Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn 2050;

Căn cứ Quyết định số 80/QĐ-TTg ngày 11 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh tại Tờ trình số 1241/TTr-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2026 và Báo cáo thẩm định của Bộ Xây dựng số 88/BC-BXD ngày 02 tháng 4 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung đô thị Quảng Ninh đến năm 2050, tầm nhìn đến năm 2075 với các nội dung chính sau:

1. Phạm vi, quy mô và thời hạn lập quy hoạch:

a) Phạm vi lập quy hoạch:

Toàn bộ địa giới hành chính tỉnh Quảng Ninh gồm có 54 đơn vị hành chính cấp xã bao gồm 22 xã, 30 phường và 2 đặc khu là Vân Đồn và Cô Tô. Ranh giới hành chính giới hạn như sau:

- Phía Bắc giáp Trung Quốc;
- Phía Nam giáp thành phố Hải Phòng;
- Phía Đông giáp biển;
- Phía Tây giáp các tỉnh Bắc Ninh, Lạng Sơn.

b) Quy mô lập quy hoạch:

Diện tích tự nhiên trên đất liền 6.231,2 km² và phần diện tích biển có ranh giới ngoài cách đường mép nước biển thấp nhất trung bình nhiều năm một khoảng cách 06 hải lý do Bộ Nông nghiệp và Môi trường xác định và công bố.

(Ghi chú: Số liệu diện tích cụ thể sẽ được xác định trong quá trình nghiên cứu lập quy hoạch trên cơ sở cơ quan có thẩm quyền phê duyệt).

c) Thời hạn quy hoạch:

Quy hoạch ngắn hạn đến năm 2040; Quy hoạch dài hạn đến năm 2050; tầm nhìn đến năm 2075.

2. Quan điểm và mục tiêu quy hoạch:

a) Quan điểm:

- Quy hoạch chung đô thị Quảng Ninh được lập trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật về quy hoạch; bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch tổng thể quốc gia, Quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng và các quy hoạch có liên quan; kế thừa phát huy các quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt.

- Phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế so sánh của đô thị biển – biên giới – di sản; tổ chức không gian phát triển hợp lý giữa đô thị - công nghiệp - dịch vụ - nông thôn - biển và đảo; bảo đảm mối quan hệ hài hòa giữa phát triển kinh tế biển với bảo vệ tài nguyên, môi trường sinh thái và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Phát triển đô thị theo hướng bền vững, hiện đại, thông minh và có khả năng chống chịu; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển không gian đô thị với đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại; sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên đất đai, tài nguyên nước và tài nguyên biển.

- Bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa - xã hội, bảo vệ môi trường; gắn kết giữa phát triển đô thị với phát triển nông thôn; nâng cao chất lượng sống của người dân, bảo đảm an sinh xã hội, bình đẳng trong tiếp cận hạ tầng và dịch vụ đô thị.

- Quy hoạch có tầm nhìn dài hạn, chiến lược; bảo đảm tính kế thừa, ổn định và linh hoạt; có khả năng điều chỉnh, thích ứng với các biến động về kinh tế - xã hội, khoa học - công nghệ và biến đổi khí hậu trong từng giai đoạn phát triển.

- Bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh; giữ vững vai trò, vị trí chiến lược của Quảng Ninh trong hệ thống đô thị quốc gia và khu vực.

b) Mục tiêu:

- Xây dựng phát triển Quảng Ninh theo mô hình thành phố trực thuộc trung ương hiện đại, thông minh, xanh và bền vững, vừa là cực tăng trưởng quốc gia; tạo động lực phát triển đột phá trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc và phát triển bền vững về dài hạn, có sức hút lan tỏa, khả năng cạnh tranh quốc tế; phát triển cân bằng giữa kinh tế - xã hội - môi trường; là hình mẫu về quản trị phát triển đô thị bền vững có bản sắc, bảo vệ tài nguyên và thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Tạo động lực phát triển đột phá trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc và phát triển bền vững về dài hạn, có sức hút lan tỏa, khả năng cạnh tranh quốc tế; phát triển cân bằng giữa kinh tế - xã hội - môi trường; là hình mẫu về quản trị phát triển đô thị bền vững có bản sắc, bảo vệ tài nguyên và thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Cụ thể hóa các định hướng phát triển Quảng Ninh trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội quốc gia và vùng; làm cơ sở pháp lý quan trọng về quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn; hoạch định các chính sách, kiến tạo các động lực phát triển; làm cơ sở cho việc lập, điều chỉnh các quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, chương trình phát triển đô thị và quản lý đầu tư xây dựng theo quy hoạch.

- Phát triển đô thị biển - di sản - cửa ngõ quốc tế hàng đầu Việt Nam, phát triển theo mô hình đô thị thông minh, với định hướng là đô thị xanh, văn minh, hiện đại, giàu bản sắc, phát triển tích hợp biển đảo - biên giới - di sản - đô thị thành một hệ sinh thái hoàn chỉnh.

- Tạo lập nền tảng không gian và hạ tầng cho phát triển các đô thị, các trung tâm về văn hóa, kinh tế biển, công nghiệp công nghệ cao, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh; nâng cao năng lực liên kết vùng, kết nối quốc gia, quốc tế. Đảm bảo quốc phòng - an ninh và hợp tác quốc tế.

- Cơ sở pháp lý cho quản lý phát triển đô thị nông thôn, đầu tư xây dựng, phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ môi trường.

3. Tính chất đô thị:

- Đô thị loại I, thành phố trực thuộc Trung ương; là một trong những trung tâm kinh tế biển hiện đại, mang tầm quốc tế, hàng đầu ở Đông Nam Á và là động lực phát triển của vùng đồng bằng Sông Hồng.

- Trung tâm du lịch quốc gia và quốc tế, trung tâm công nghiệp hiện đại; trung tâm dịch vụ, thương mại gắn với các ngành kinh tế biển có sức cạnh tranh quốc tế cao.

- Đô thị biển - biên giới - di sản, xanh, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Đầu mối giao thông, hạ tầng quan trọng của quốc gia có vai trò kết nối các hành lang kinh tế trong nước và quốc tế.

- Khu vực có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về quốc phòng, an ninh, gắn với bảo vệ chủ quyền biển, đảo; bảo đảm an ninh biên giới, an ninh năng lượng và an toàn không gian phát triển quốc gia.

4. Dự báo phát triển sơ bộ:

a) Quy mô dân số:

- Đến năm 2030: khoảng 1,99 - 2,06 triệu người (trong đó dân số thường trú khoảng 1,69 - 1,75 triệu người);

- Đến năm 2040: khoảng 2,40 - 2,50 triệu người (trong đó dân số thường trú khoảng 1,90 - 2,10 triệu người).

- Đến năm 2050: khoảng 2,80 - 3,00 triệu người (trong đó dân số thường trú khoảng 2,30 - 2,4 triệu người).

b) Dự kiến nhu cầu sử dụng đất xây dựng:

- Đến năm 2030: đất xây dựng khoảng 55.000 - 60.000 ha;

- Đến năm 2040: đất xây dựng khoảng 60.000 - 70.000 ha.

- Đến năm 2050: đất xây dựng khoảng 90.000 - 100.000 ha.

c) Dự kiến Quy mô khách du lịch:

- Đến năm 2030: khoảng 25,0 – 26,0 triệu lượt khách (trong đó khách quốc tế khoảng 7,0 – 7,5 triệu lượt khách).

- Đến năm 2040: khoảng 28,0 – 29,0 triệu lượt khách (trong đó khách quốc tế khoảng 8,0 – 8,5 triệu lượt khách).

- Đến năm 2050: khoảng 30,0 – 31,0 triệu lượt khách (trong đó khách quốc tế khoảng 9,0 – 10,0 triệu lượt khách).

(Quy mô dân số, khách du lịch và đất đai xây dựng đô thị theo từng giai đoạn sẽ được nghiên cứu, phân tích, đánh giá, đề xuất cụ thể trong quá trình nghiên cứu quy hoạch).

5. Những yêu cầu nghiên cứu đối với các nội dung quy hoạch:

Bám sát các quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, tầm nhìn và các định hướng phát triển liên quan đến Quảng Ninh (tại các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các Quy hoạch ngành quốc gia, Quy hoạch vùng...), khai thác và phát huy các giá trị đặc trưng về vai trò, điều kiện tự nhiên, các giá trị văn hóa, lịch sử, không gian kiến trúc cảnh quan, hệ sinh thái; đảm bảo các yêu cầu về liên kết vùng, quốc phòng, an ninh.

a) Phân tích vai trò, vị thế và các mối liên hệ vùng:

- Nghiên cứu, phân tích vị trí, vai trò của đô thị Quảng Ninh trong hệ thống đô thị quốc gia, vùng Đồng bằng sông Hồng và trong mạng lưới kết nối quốc tế; làm rõ chức năng, vai trò của đô thị Quảng Ninh với tư cách là đô thị biên – biên giới - di sản, cực tăng trưởng quan trọng của quốc gia.

- Phân tích vị thế, vai trò của Quảng Ninh trong đối ngoại và hội nhập quốc tế đặc biệt là với nước bạn Trung Quốc; hiện trạng và khả năng kết nối về phát triển kinh tế trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Đồng bằng sông Hồng, phân tích kết nối giao thông đối ngoại, đối nội, giao thông đường bộ, đường sắt và đường hàng không được hình thành, khai thác tối ưu hệ thống giao thông đường thủy cho hoạt động vận tải hàng hóa, hành khách và phát triển du lịch.

- Phân tích các mối liên kết vùng về không gian phát triển, kinh tế - xã hội,

hạ tầng kỹ thuật, môi trường và quốc phòng - an ninh; đánh giá sự thay đổi về tổ chức không gian và động lực phát triển trước và sau sáp nhập đơn vị hành chính; làm rõ mối quan hệ giữa khu vực đô thị và nông thôn, giữa các khu vực động lực phát triển với các không gian bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa.

b) Đánh giá hiện trạng tổng hợp:

- Phân tích, đánh giá tổng hợp các điều kiện tự nhiên, tài nguyên, môi trường, biến đổi khí hậu và các yếu tố rủi ro thiên tai; hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội và chất lượng sống của người dân. Phân tích điều kiện tự nhiên, đặc trưng vùng núi, vùng đồng bằng, vùng ven biển và các giá trị tự nhiên cần bảo tồn, gìn giữ trong phát triển đô thị nông thôn. Đánh giá hiện trạng tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng đến hệ thống đô thị của tỉnh Quảng Ninh.

- Đánh giá hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn, các khu chức năng, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu du lịch; hiện trạng dân số, lao động và phân bố dân cư đô thị - nông thôn.

- Đánh giá hiện trạng sử dụng đất toàn tỉnh theo các nhóm đất chủ yếu; hiện trạng phân vùng kiến trúc, cảnh quan; hiện trạng hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội, nhà ở; đánh giá các hoạt động, quản lý khai thác khoáng sản, bảo vệ phát triển rừng tác động đến phát triển kinh tế xã hội, cảnh quan môi trường, di sản văn hóa; hiện trạng hệ thống, hạ tầng kỹ thuật và môi trường, làm cơ sở xác định các vấn đề trọng tâm cần giải quyết trong quy hoạch chung.

c) Đánh giá công tác quản lý và thực hiện quy hoạch

- Đánh giá việc tổ chức thực hiện các quy hoạch đã được phê duyệt, đặc biệt là hiệu quả quản lý phát triển không gian, sử dụng đất và đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật.

- Rà soát các chương trình phát triển đô thị, dự án lớn đang triển khai; xác định các tồn tại, chông chéo, bất cập trong tổ chức thực hiện quy hoạch và quản lý phát triển đô thị, xác định các nội dung cần giải quyết, đáp ứng các yêu cầu phát triển mới của đô thị Quảng Ninh hướng tới đô thị loại I, thành phố trực thuộc Trung ương; cũng như làm cơ sở đề xuất các định hướng điều chỉnh và giải pháp quản trị quy hoạch phù hợp.

d) Yêu cầu tuân thủ quy hoạch cấp trên

- Xác định đầy đủ các yêu cầu phải tuân thủ và cụ thể hóa từ Quy hoạch tổng thể quốc gia, Quy hoạch không gian biển quốc gia, các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng có liên quan.

- Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và tích hợp giữa Quy hoạch chung đô thị Quảng Ninh với các quy hoạch cấp trên, các quy hoạch chuyên ngành đang được triển khai, các quy hoạch đô thị nông thôn các địa phương lân cận.

d) Nghiên cứu kinh nghiệm trong nước và quốc tế

Nghiên cứu, tổng hợp và chọn lọc các mô hình, kinh nghiệm tiêu biểu trong nước và quốc tế liên quan đến các yếu tố đặc thù như: đô thị biển đảo, đô thị di sản, đô thị biên giới Và các xu thế quy hoạch phát triển trên thế giới để lựa chọn các giải pháp phù hợp, áp dụng vào điều kiện thực tiễn của Quảng Ninh.

e) Xác định tầm nhìn, mục tiêu và động lực phát triển:

- Xác định tầm nhìn đô thị Quảng Ninh trong giai đoạn dài hạn; xây dựng các mục tiêu phát triển theo giai đoạn quy hoạch đến năm 2030, năm 2040, năm 2050, tầm nhìn đến năm 2075, hướng tới phát triển bền vững theo mô hình đô thị xanh, thông minh. Xác định tầm nhìn đột phá cho phát triển đô thị Quảng Ninh trong bối cảnh phát triển mới.

- Xác định hệ thống các chỉ tiêu phát triển đô thị và nông thôn: đề xuất lựa chọn các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật; dự báo về tác động của điều kiện tự nhiên, phát triển kinh tế - xã hội, quy mô dân số, quy mô đất xây dựng đô thị và nông thôn, định hướng phát triển các khu vực làng xóm, ngoại thành đảm bảo ổn định; chỉ tiêu phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội cho toàn tỉnh theo từng giai đoạn phát triển, đảm bảo phù hợp với thực tiễn phát triển và tính khả thi.

- Phân tích đánh giá vai trò, vị thế, tiềm năng, nguồn lực trong các mối quan hệ vùng: Nghiên cứu bổ sung các chính sách, giải pháp cụ thể tăng cường hợp tác liên kết vùng giữa Quảng Ninh và các địa phương để Quảng Ninh phát triển nhanh, bền vững, là động lực thúc đẩy vùng và cả nước cùng phát triển.

g) Dự báo và chỉ tiêu phát triển

- Dự báo quy mô dân số, lao động, nhu cầu đất đai và hạ tầng theo các giai đoạn phát triển; xác định các chỉ tiêu chủ yếu về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và môi trường cho khu vực đô thị và nông thôn.

- Định hướng phát triển các phường, xã bảo đảm ổn định, phù hợp với mô hình tổ chức không gian và yêu cầu quản lý phát triển đô thị.

h) Mô hình cấu trúc phát triển

- Xác định mô hình phát triển và cấu trúc không gian tổng thể toàn đô thị phù hợp với cấu trúc không gian vùng, có khả năng kết nối với các đô thị lớn trong vùng Thủ đô Hà Nội và vùng đồng bằng sông Hồng.

- Xác định nguyên tắc, tiêu chí và phương pháp lựa chọn phương án cấu trúc phát triển đô thị; bảo đảm phát huy hiệu quả các khu vực động lực, hành lang phát triển và các không gian trọng điểm của đô thị, phát huy nâng tầm giá trị, ưu thế vượt trội của các di sản thiên nhiên và văn hóa thế giới.

- Định hướng tổ chức không gian đô thị - nông thôn; phát triển không gian các phường, cụm phường, xã, cụm xã gắn với tái thiết, chỉnh trang và phát triển đô thị, bảo đảm bản sắc và hiệu quả sử dụng đất.

i) Định hướng phát triển không gian:

- Định hướng cấu trúc không gian phát triển đô thị, định hướng và phân loại hệ thống đô thị đến năm 2030, 2040, 2050 theo các quy định. Định hướng phát triển không gian cho các khu vực phát triển đô thị hiện hữu như Hạ Long, Cẩm Phả, Uông Bí, Đông Triều, Móng Cái hướng tới gia tăng giá trị, sức hấp dẫn, đặc trưng và bản sắc riêng, tạo điều kiện thu hút đầu tư cải tạo, chỉnh trang, tái thiết và phát triển đô thị. Không gian cho khu vực đô thị Hạ Long cần khai thác các vùng cảnh quan đồi núi; vịnh Hạ Long, không gian cho khu vực đô thị Đông Triều, Uông Bí cần gắn với quá trình hình thành và phát triển khu vực Yên Tử kết nối với chuỗi các địa điểm lịch sử... gắn với phát triển kinh tế dịch vụ, xây dựng hạ tầng xanh đa chức năng như giao thông thủy, điều tiết nước, không gian mở công cộng và tạo dựng bản sắc cảnh quan đặc trưng; tạo điều kiện cho công tác thu hút đầu tư bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa lịch sử, xây dựng hệ thống không gian mở, cây xanh, các quảng trường chức năng... gắn với các dự án phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng, giao thông công cộng.

- Nghiên cứu thúc đẩy phát triển khu vực nông thôn theo hướng hiện đại, bảo lưu được những giá trị truyền thống. Mô hình phát triển điểm dân cư nông thôn theo hướng đô thị làng quê (làng quê có chất lượng sống đô thị). Quy hoạch xây dựng các điểm dân cư nông thôn phải gắn với quá trình tái cơ cấu nông nghiệp, tổ chức lại sản xuất để có giá trị tăng cao hơn, thu nhập của người làm nông nghiệp cao hơn, góp phần thu hẹp khoảng cách về thu nhập, phát triển giữa người dân nông thôn và người dân đô thị. Cần ứng dụng mạnh mẽ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, nhất là công nghệ sinh học, công nghệ thông tin vào sản xuất, quản lý nông nghiệp và đẩy nhanh công nghiệp hóa nông nghiệp, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Quy hoạch nông thôn phải hướng tới phát triển bền vững.

k) Định hướng kiến trúc cảnh quan:

- Định hướng phân vùng kiến trúc, cảnh quan; tổ chức hệ thống không gian xanh, mặt nước, trục không gian chính, cửa ngõ và điểm nhấn đô thị. Định hướng bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị cảnh quan thiên nhiên, di sản văn hóa; gắn bảo tồn với phát triển kinh tế, du lịch bền vững.

- Định hướng về kiến trúc cảnh quan cho khu vực đô thị, khu vực nông thôn và cho các khu vực cảnh quan, khu vực bảo tồn; khai thác tối đa đặc điểm địa hình, cảnh quan tự nhiên và xác định hình thái không gian kiến trúc cảnh quan phù hợp với điều kiện hiện trạng, chức năng của khu vực đô thị.

l) Định hướng phát triển không gian ngầm và hạ tầng ngầm:

Định hướng quy hoạch phát triển không gian ngầm, hạ tầng ngầm làm cơ sở cho công tác quản lý phát triển các không gian ngầm, hạ tầng ngầm công cộng, sử dụng chung và của các công trình chức năng trong đô thị.

m) Định hướng quy hoạch sử dụng đất theo các giai đoạn:

Xác định chức năng các khu vực; xác định chỉ tiêu về mật độ dân cư, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị; định hướng và nguyên tắc phát triển đối với từng khu chức năng; đề xuất kế hoạch sử dụng đất phù hợp với từng giai đoạn phát triển; xác định quỹ đất dự kiến xây dựng phát triển đô thị, ranh giới các khu vực đô thị.

n) Định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội:

Đánh giá thực trạng về nhà ở và hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội, xác định các vấn đề tồn tại và đề xuất phương án quy hoạch phát triển để đảm bảo tiêu chí đô thị I đối với toàn tỉnh, tiêu chí đô thị loại II, loại III và đặc thù đối với các khu vực đô thị.

Đề xuất định hướng phát triển công trình dịch vụ, nhà ở cho các loại hình cư trú trên địa bàn. Nghiên cứu các đặc trưng văn hóa nổi bật để có định hướng tôn tạo, bảo tồn và phát triển đô thị.

Xác định quy mô và bố trí hệ thống công trình công nghiệp, dịch vụ, du lịch, thương mại, hành chính, giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao,... đáp ứng nhu cầu của đô thị và vùng lân cận.

Đối với phát triển du lịch cần nghiên cứu đề xuất các cơ sở hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng dịch vụ và hạ tầng hỗ trợ khác để thúc đẩy phát triển Quảng Ninh trở thành trung tâm du lịch quốc gia, đẳng cấp quốc tế.

Phát triển hệ thống y tế hiện đại, trở thành trung tâm y tế chuyên sâu đạt trình độ ngang tầm khu vực và quốc tế, phát triển đồng bộ y tế chuyên sâu và y tế cơ sở hướng tới chăm sóc sức khỏe toàn diện và có chất lượng cho người dân Quảng Ninh. Đầu tư phát triển và mở rộng quy mô của các bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh theo hướng tập trung phát triển các dịch vụ kỹ thuật chuyên sâu, đảm đương vai trò tương đương với bệnh viện tuyến cuối. Đối với các bệnh viện chuyên khoa, cần đầu tư phát triển bệnh viện chuyên khoa thuộc một số chuyên khoa ưu tiên như ung bướu, tim mạch, nội tiết, lão khoa để đáp ứng sự thay đổi của mô hình bệnh tật với các bệnh không lây nhiễm gia tăng.

o) Định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

- Nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung phù hợp với nội dung các quy hoạch ngành hạ tầng kỹ thuật, quy hoạch ngành quốc gia, xem xét đồng bộ các giai đoạn phát triển và bảo đảm thích ứng với biến đổi khí hậu, với mục tiêu phát triển đô thị xanh, bền vững và thông minh trong quản lý và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị.

- Giao thông: Phát triển mạng lưới giao thông đa phương thức gồm: đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng không; vị trí và quy mô cảng hàng không, cảng sông, ga đường sắt; tuyến đường bộ, đường sắt đô thị (trên cao, trên mặt đất, ngầm); xác định vị trí, quy mô bến xe đối ngoại gắn với các yêu cầu phát triển đồng bộ hạ tầng logistics. Dự báo nhu cầu vận tải hành khách, hàng hoá và khả năng thích ứng của hệ thống giao thông vận tải. Xác định mạng lưới giao thông chính cấp đô thị, tuyến và ga đường sắt đô thị (trên cao, mặt đất và ngầm); tổ chức hệ thống giao thông công cộng và hệ thống bến, bãi đỗ xe (trên cao, mặt đất và ngầm) theo từng giai đoạn; xác định quy mô các trục chính đô thị và hệ thống hào, tuy-nen kỹ thuật. Nghiên cứu thiết lập hệ thống giao thông công cộng với sử dụng đất theo mô hình TOD, giao thông tĩnh và xây dựng hệ thống hạ tầng giao thông thông minh, dịch vụ thông minh.

- Thủy lợi, phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu: rà soát, cập nhật các định hướng phát triển hạ tầng thủy lợi, phòng chống thiên tai theo các quy hoạch ngành quốc gia, đề xuất các giải pháp quy hoạch phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng thủy lợi, đề điều, các giải pháp ứng phó với lũ lụt dọc các tuyến sông, ngập lụt tại các khu vực xây dựng đô thị tập trung, các giải pháp ứng phó với ngập lụt đô thị, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

- Cao độ nền và thoát nước mưa: Cải tạo cao độ nền và thoát nước mặt các khu vực đô thị, nông thôn, trong đó xem xét đến tác động kép của hiện tượng sụt lún nền đất và biến đổi khí hậu. Đề xuất các giải pháp san lấp tạo mặt bằng xây dựng, tăng diện tích mặt thấm và tăng khả năng trữ nước trước khi xả ra nguồn thoát. Phân lưu vực thoát nước, xác định hệ thống thoát nước mưa hợp lý và tách riêng với hệ thống thoát nước thải, xác định cao độ nền xây dựng cho các khu vực theo lưu vực thoát nước, đảm bảo kiểm soát ngập úng do mưa, triều cường và đảm bảo tiêu thoát lũ; thống nhất, đồng bộ với quy hoạch thủy lợi, tưới tiêu, chống ngập úng, đảm bảo đồng bộ các giải pháp thống nhất khu vực đô thị và nông thôn.

- Cấp điện, năng lượng và chiếu sáng: Dự báo nhu cầu phụ tải điện và nhu cầu sử dụng năng lượng khác; xác định nguồn cung cấp năng lượng (bao gồm đề xuất giải pháp sử dụng các dạng năng lượng sạch, tái tạo), vị trí, quy mô các công trình đầu mối và mạng lưới phân phối chính của hệ thống cấp năng lượng, chiếu sáng đô thị thông minh, tiết kiệm năng lượng, gắn với quản lý vận hành hiện đại; đảm bảo thống nhất, đồng bộ với hệ thống công trình, mạng lưới truyền tải và phân phối điện tại quy hoạch điện lực quốc gia và quy hoạch năng lượng khác.

- Hạ tầng thông tin truyền thông: Xác định vị trí, quy mô các công trình đầu mối và mạng lưới phân phối chính của hệ thống thông tin truyền thông theo từng giai đoạn, đảm bảo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị theo mô hình đô thị thông minh. Đề xuất nguyên tắc về quản lý, tổ chức việc ngầm hóa, sử dụng chung hạ tầng mạng viễn thông; phát triển hạ tầng số hướng

đến mục tiêu phát triển kinh tế số, thực hiện mục tiêu đột phá quản lý đô thị và xây dựng chính quyền số.

- Cấp nước: Rà soát, cập nhật điều chỉnh quy hoạch chuyên ngành cấp nước, thống nhất với chiến lược cung cấp nước sạch và an ninh nguồn nước. Xác định chỉ tiêu và tiêu chuẩn thiết kế. Đánh giá và lựa chọn nguồn cấp nước (đa dạng hóa nguồn nước cấp, bảo đảm cung cấp cho dân số đô thị); lập các phương án cấp nước, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; lựa chọn công nghệ xử lý nước, tái sử dụng nguồn nước. Xác định vị trí, quy mô các công trình đầu mối và mạng lưới phân phối chính của hệ thống cấp nước theo từng giai đoạn. Đề xuất các biện pháp bảo vệ nguồn nước và các công trình cấp nước.

- Thu gom và xử lý nước thải: Rà soát, cập nhật điều chỉnh bổ sung các vị trí, quy mô các công trình đầu mối và mạng lưới phân phối chính của hệ thống thoát nước thải theo từng giai đoạn, đảm bảo thống nhất, đồng bộ với quy hoạch tổng thể thoát nước của đô thị. Đề xuất định hướng, giải pháp quy hoạch hướng tới tái sử dụng nước thải và các yêu cầu về chất lượng nước đối với các loại nước thải sau khi xử lý.

- Thu gom, xử lý chất thải rắn và quản lý nghĩa trang: Rà soát, cập nhật, điều chỉnh bổ sung các vị trí, quy mô các công trình đầu mối xử lý, mạng lưới thu gom chất thải rắn chính từng giai đoạn; vị trí, quy mô tính chất của các nghĩa trang. Đề xuất các yêu cầu, biện pháp quản lý môi trường đối với công trình đầu mối thu gom, xử lý chất thải rắn và nghĩa trang.

p) Bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu:

Đề xuất các yêu cầu và giải pháp bảo vệ môi trường; xác định các khu vực cần bảo vệ, phục hồi môi trường; kiểm soát ô nhiễm và giảm phát thải trong quá trình phát triển đô thị.

q) Thực hiện quy hoạch:

Đề xuất phân kỳ thực hiện quy hoạch theo các giai đoạn đến năm 2030, 2040, 2050 và tầm nhìn đến năm 2075. Xác định các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư theo các giai đoạn quy hoạch, bảo đảm tính khả thi, tính dẫn dắt và hiệu quả trong tổ chức thực hiện quy hoạch.

r) Quy định quản lý theo quy hoạch chung:

Đề xuất Quy định quản lý theo quy hoạch chung gồm các quy định chung, quy định cụ thể đối với từng khu vực. Cụ thể sẽ được xác lập trong giai đoạn nghiên cứu lập quy hoạch chung theo quy định.

6. Các yêu cầu trọng tâm đối với quy hoạch chung

a) Liên kết vùng và vai trò động lực

Nghiên cứu phát triển Quảng Ninh trong mối liên kết chặt chẽ với các tỉnh, thành phố trong vùng động lực phía Bắc, vùng đồng bằng sông Hồng và vùng Thủ đô Hà Nội; làm rõ vai trò của Quảng Ninh là cực tăng trưởng, trung tâm kinh tế biển, cửa ngõ giao thương quốc tế của khu vực.

Định hướng tổ chức không gian và hạ tầng (đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường không ...) bảo đảm phát huy vai trò liên kết vùng, tăng cường tính hỗ trợ và phân công chức năng giữa Quảng Ninh với các đô thị lớn, địa phương trong vùng; tăng cường hợp tác qua biên giới với Trung Quốc và hợp tác kinh tế biển với Hải Phòng.

b) Kế thừa, rà soát và tích hợp các quy hoạch

Rà soát, đánh giá thực hiện hệ thống các Quy hoạch chung đô thị, Khu kinh tế, các quy hoạch chuyên ngành đã được duyệt để xác định các nội dung còn phù hợp, kế thừa phát triển; xác định các tồn tại, vướng mắc để nghiên cứu điều chỉnh và các vấn đề còn thiếu, chưa phù hợp để nghiên cứu bổ sung. Nghiên cứu, cập nhật những chủ trương, định hướng quan trọng của quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng có liên quan đến phạm vi tỉnh Quảng Ninh.

c) Phối hợp với nghiên cứu Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh

Phối hợp với nghiên cứu Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, nghiên cứu các định hướng quy hoạch quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng liên quan tới định hướng phát triển đô thị tỉnh Quảng Ninh. Dự báo các nhu cầu phát triển trong giai đoạn mới của tỉnh, nắm bắt các cơ hội phát triển mới, định hướng cho các ngành kinh tế chủ đạo như: Dịch vụ, du lịch, sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và các lĩnh vực kinh tế trọng tâm của đô thị Quảng Ninh. Dự báo các nhu cầu phát triển trong giai đoạn mới, trong bối cảnh phát triển của khu vực, các cơ hội phát triển mới, đảm bảo phù hợp với thực tiễn phát triển, hài hòa với yêu cầu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội vùng quốc gia. Nghiên cứu, cập nhật những chủ trương, định hướng quan trọng của quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng có liên quan đến Quảng Ninh.

d) Định hướng phát triển không gian

- Nghiên cứu về mô hình cấu trúc phát triển trên cơ sở kế thừa phát huy hệ thống đô thị hiện trạng, đặc điểm điều kiện tự nhiên của Quảng Ninh, khả năng về quỹ đất khai thác phát triển, kế thừa các định hướng quy hoạch tỉnh, quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung khu kinh tế đã đề xuất, tăng cường phát triển về liên kết vùng, phát triển hạ tầng kinh tế xã hội chất lượng cao, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại ... để đề xuất mô hình cấu trúc phát triển phù hợp với yêu cầu phát triển từng giai đoạn. Trong đó, lưu ý khai thác sử dụng hiệu quả quỹ đất ven biển của tỉnh Quảng Ninh.

- Đề xuất phân vùng phát triển (các khu vực đô thị và nông thôn, khu chức

năng hoặc các phân khu làm cơ sở triển khai các quy hoạch cấp dưới); xác định các nguyên tắc phát triển, định hướng lớn các đô thị, khu chức năng (đặc biệt cần lưu ý các khu vực lân biển, tác động đến di sản, khai thác khoáng sản...); đề xuất các yêu cầu về quy hoạch sử dụng đất; kết hợp hài hoà giữa cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị với phát triển các đô thị mới; trong đó đặc biệt lưu ý về xây dựng và phát triển bản sắc quy hoạch kiến trúc bản địa, giữ gìn các giá trị văn hóa lịch sử tại địa phương.

- Tái cấu trúc không gian phát triển theo hướng tích hợp, trong đó nghiên cứu bổ sung định hướng tái cấu trúc không gian phát triển tích hợp phát triển đô thị dịch vụ tích hợp với phát triển kinh tế đảo - biên giới - di sản thành một hệ sinh thái hoàn chỉnh; chuyển từ tổ chức không gian phân tán sang tích hợp, từ địa giới hành chính sang hệ sinh thái đa trung tâm, mở và liên kết. Trọng tâm tái cấu trúc là kết nối theo chuỗi, lấy đường sắt Hà Nội - Hải Phòng - Hạ Long - Móng Cái để mở rộng không gian và dịch chuyển nguồn lực làm xương sống cho phát triển kinh tế vùng.

- Ưu tiên phát triển không gian đô thị theo định hướng giao thông công cộng, khai thác phát triển không gian ngầm, không gian tầng thấp, hạ tầng đô thị thông minh để phát triển không gian gắn với kết cấu hạ tầng hiện đại.

- Định hướng phát triển khu Trung tâm hành chính mới tỉnh Quảng Ninh, trung tâm văn hóa, thể dục thể thao, dịch vụ, du lịch ở khu vực phía bắc Vịnh Cửa Lục; lấy Vịnh Cửa Lục làm trung tâm kết nối phát triển đô thị theo mô hình đa cực, mở rộng đô thị lên phía Bắc.

- Nghiên cứu phát triển khu vực phía Đông tỉnh Quảng Ninh (gồm Móng Cái, Hải Hà, Đầm Hà, Tiên Yên) trở thành không gian động lực tăng trưởng mới của tỉnh. Trong đó, phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái theo mô hình khu hợp tác biên giới, xứng tầm cửa ngõ quốc tế và trung tâm kinh tế biên mậu - logistics của vùng Đông Bắc; cực phát triển đô thị biển - sinh thái - cửa khẩu, gắn với kinh tế xanh và kinh tế biển; phát triển Khu Logistics cửa khẩu, Logistics cảng biển, Logistics nội địa và định hướng kết nối các khu cửa khẩu, đường sắt với Cảng biển Hải Hà, Cảng Vạn Ninh, cảng Con Ong - Hòn Nét...; kết nối các khu cửa khẩu với Khu Kinh tế Vân Đồn, Khu Kinh tế ven biển Quảng Yên.

- Nghiên cứu phát triển khu vực phía Tây tỉnh Quảng Ninh (gồm các khu vực Đông Triều, Uông Bí, Quảng Yên) theo mô hình đô thị di sản phát huy tối đa tiềm năng chuỗi di sản thế giới Yên Tử, Bạch Đằng, các di tích lịch sử, văn hóa; phát triển các trung tâm đổi mới, sáng tạo, khoa học, công nghệ của tỉnh, thúc đẩy quá trình chuyển đổi mô hình từ nâu sang xanh.

- Nghiên cứu phát triển đô thị theo mô hình phát triển xanh, đô thị sinh thái, thích ứng và chống chịu biến đổi khí hậu. Trong đó xác định các khu vực cụ thể áp dụng mô hình đô thị nén tập trung, khu vực đô thị sinh thái mật độ

thấp, các khu vực bảo vệ không gian xanh, mặt nước. Kiểm soát chặt chẽ các khu vực phát triển cao tầng.

đ) Phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại, xanh, thông minh, gắn với đặc thù của Quảng Ninh

Quy hoạch hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật khung theo định hướng quy hoạch ngành quốc gia (đường hàng không, đường bộ, đường thủy, đường sắt) gắn với lộ trình triển khai thực hiện theo từng giai đoạn. Nghiên cứu khớp nối đồng bộ các tỉnh lân cận trong vùng đồng bằng sông Hồng. Đề xuất các giải pháp chiến lược để khắc phục các tồn tại, bất cập về quá tải về hệ thống hạ tầng kỹ thuật, tắc nghẽn giao thông, phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội chất lượng cao, xử lý các vấn đề môi trường; nghiên cứu phương án bố trí hệ thống bến xe đối ngoại gắn kết với đầu mối giao thông, các tổ hợp đa chức năng gắn với yêu cầu phát triển hệ thống hạ tầng logistic, bổ sung các biện pháp quản lý phương tiện giao thông thông minh; rà soát điều chỉnh bổ sung hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật khung còn thiếu như: nhà máy nước, khu xử lý rác thải, nước thải, nhà tang lễ, nghĩa trang...

e) Tổ chức thực hiện quy hoạch:

- Xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch cụ thể, phân kỳ hợp lý, gắn với nguồn lực thực hiện; thể hiện được phạm vi về không gian - đất đai; lựa chọn những vấn đề bất cập ưu tiên giải quyết (liên kết vùng, phân bố dân cư, nhà ở, chất lượng sống, giao thông đô thị, quản lý ngập, sử dụng tài nguyên...) nhằm từng bước cải thiện thực trạng và đẩy mạnh phát triển đô thị, kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ninh;

- Đề xuất danh mục các chương trình dự án ưu tiên đầu tư và đề xuất các cơ chế chính sách đặc thù để huy động nguồn lực xây dựng thúc đẩy phát triển đô thị Quảng Ninh đáp ứng đô thị loại I, thành phố trực thuộc trung ương;

- Đề xuất quy định quản lý, hướng dẫn kiểm soát phát triển, làm cơ sở xây dựng Quy chế quản lý kiến trúc trên địa bàn đô thị theo hướng linh hoạt theo từng giai đoạn, cụ thể theo các vấn đề cần quản lý, từng bước xây dựng hình ảnh đặc trưng cho quy hoạch - kiến trúc đô thị nông thôn.

g) Đảm bảo quốc phòng - an ninh và hợp tác quốc tế:

Bố trí không gian đô thị gắn với thế trận quốc phòng - an ninh vùng Đông Bắc. Mở rộng hợp tác quốc tế, đặc biệt là với các đô thị ven biển và hành lang kinh tế Trung Quốc - ASEAN làm cơ sở pháp lý cho việc quản lý phát triển đô thị, thu hút đầu tư và triển khai các dự án trọng điểm.

7. Yêu cầu về Hồ sơ sản phẩm:

Hồ sơ sản phẩm và nội dung quy hoạch chung tuân thủ quy định tại Điều 10 Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ

Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn. Xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch và lập hồ sơ sản phẩm GIS theo quy định.

8. Các yêu cầu, nguyên tắc về lấy ý kiến

Việc lấy ý kiến trong quá trình lập Quy hoạch chung đô thị Quảng Ninh đến năm 2050, tầm nhìn đến năm 2075 thực hiện theo quy định tại Điều 36, 37 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26 tháng 11 năm 2024 được sửa đổi bổ sung tại khoản 24, 25 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 11 tháng 12 năm 2025 và các văn bản pháp luật có liên quan.

9. Yêu cầu trong quá trình tổ chức lập quy hoạch

Nghiên cứu lập Quy hoạch chung đô thị Quảng Ninh đến năm 2050, tầm nhìn đến năm 2075 thể hiện các nội dung mang tính định hướng, đảm bảo thống nhất đồng bộ, liên thông tích hợp về các chỉ tiêu, định hướng các giai đoạn ngắn hạn, dài hạn với Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch cấp quốc gia, cấp vùng.

Để nâng cao chất lượng nghiên cứu và tính khả thi, ngoài các yêu cầu được quy định tại Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 ngày 26 tháng 11 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 144/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025; Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Nghị định số 34/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 hướng dẫn thi hành Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Bộ Xây dựng), trong quá trình tổ chức lập quy hoạch cần lưu ý:

- Quy hoạch cần thống nhất, đồng bộ (về liên kết vùng, quy hoạch sử dụng đất, phương hướng phát triển các ngành - lĩnh vực trọng yếu tương thích với các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội).

- Ứng dụng công nghệ thông tin địa lý - GIS để phân tích, đánh giá xu hướng phát triển đô thị thời gian qua nhằm đề xuất giải pháp quy hoạch phù hợp với đặc điểm của Quảng Ninh. Cơ sở dữ liệu GIS được chuyển giao cho cơ quan quản lý nhà nước phục vụ công tác dự báo phát triển, chuyển đổi số trong quản lý, quy hoạch đô thị.

- Thiết kế đô thị: Đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 06/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 và số 43/2025/TT-BXD ngày 09 tháng 12 năm 2025. Khuyến khích sử dụng công nghệ hiện đại để mô phỏng cấu trúc đô thị và phương hướng phát triển không gian đô thị theo các phương án đề xuất.

- Xây dựng kế hoạch, cơ chế thực hiện quy hoạch trên cơ sở phối hợp với các cơ quan, đơn vị tư vấn (lập quy hoạch) khác có liên quan, nhằm bảo đảm nội dung nghiên cứu được cập nhật thông tin đa dạng và đồng bộ, đặc biệt đối với các chương trình, đề án và dự án đặc thù của Quảng Ninh.

- Xây dựng khung đánh giá quá trình thực hiện quy hoạch (giai đoạn 2030, 2040, 2050) tạo cơ sở để cơ quan chuyên ngành theo dõi, điều chỉnh kịp thời (nếu có) các quy định, cơ chế - chính sách trong việc quản lý quy hoạch và phát triển đô thị có hiệu quả, khoa học, đáp ứng chủ trương của Nhà nước về cải cách hành chính, xây dựng đô thị thông minh.

10. Tổ chức thực hiện:

- Cấp phê duyệt: Thủ tướng Chính phủ.
- Cơ quan thẩm định: Bộ Xây dựng.
- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh.
- Tổ chức tư vấn lập quy hoạch: Tổ chức lựa chọn tư vấn đủ năng lực theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Thời gian lập quy hoạch: Không quá 15 tháng theo quy định.

11. Kinh phí thực hiện

- Dự toán chi phí tổ chức lập quy hoạch: Thực hiện theo quy định hiện hành về quy hoạch đô thị và nông thôn.
- Nguồn vốn: Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh chịu trách nhiệm toàn diện về hồ sơ, trình tự, thủ tục và về tính chính xác của các thông tin, số liệu, bản vẽ, hồ sơ sử dụng để lập Nhiệm vụ Quy hoạch chung đô thị Quảng Ninh đến năm 2050, tầm nhìn đến năm 2075 bảo đảm đúng quy định pháp luật; chủ trì phối hợp với các bộ, ngành liên quan tổ chức lập, trình duyệt Quy hoạch chung đô thị Quảng Ninh đến năm 2050, tầm nhìn đến năm 2075 theo quy định, không hợp thức các sai phạm (nếu có), không để xảy ra các chồng chéo, tranh chấp, khiếu kiện; không gây thất thoát, lãng phí tài sản của nhà nước.

2. Bộ Xây dựng chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định hồ sơ Nhiệm vụ Quy hoạch chung đô thị Quảng Ninh đến năm 2050, tầm nhìn đến năm 2075 bảo đảm đúng quy định pháp luật, không lãng phí. Giao Bộ Xây dựng hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh trong quá trình tổ chức thực hiện lập Quy hoạch nêu trên bảo đảm tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Tài chính, Công an, Nông nghiệp và Môi trường, Quốc phòng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Y tế, Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo, Công Thương, Khoa học và Công nghệ;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Quảng Ninh;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTT, các Vụ: TH, KTTH, NC, NN, KGVX, PL, V.I, QHĐP;
- Lưu: VT, CN (2b). ĐTQ 16



**KT. THỦ TƯỚNG
PHỤ THỦ TƯỚNG**

Trần Hồng Hà